

**I. TRẮC NGHIỆM:****1. Trắc nghiệm nhiều lựa chọn (3,0 điểm):**

**Câu 1.** Loại vải mềm, dễ thấm mồ hôi, màu sắc tươi sáng, hoa văn sinh động, kiểu may rộng rãi dùng cho đối tượng nào sau đây? [a2.2]

- A. Trẻ em. B. Thanh niên. C. Người lớn tuổi. D. Phụ nữ.

**Câu 2.** Vải nào được chế tạo từ sợi tổng hợp, có ưu điểm không nhăn và dễ bảo quản? [a2.2]

- A. Tơ tằm. B. Polyester. C. Lụa. D. Lanh.

**Câu 3.** Thông số kỹ thuật của đồ dùng điện trong gia đình bao gồm các đại lượng nào? [a2.1]

- A. Điện áp định mức và số cánh  
B. Đại lượng điện định mức và công suất định mức  
C. Công suất định mức và dung tích  
D. Các đại lượng định mức chung và các đại lượng đặc trưng riêng.

**Câu 4.** Cho thông số kỹ thuật sau, em hãy chọn cách đọc đúng: [a.2.1]

Quạt treo tường: 220V – 47 W; Sải cánh: 30cm

- A. Điện áp định mức là 220 vôn, công suất định mức là 47 oát, sải cánh là 30cm  
B. Điện áp định mức là 47 oát, công suất định mức là 220 vôn, sải cánh là 30cm  
C. Điện áp định mức là 47 oát, công suất định mức là 30cm, sải cánh là 220 vôn  
D. Điện áp định mức là 30cm, công suất định mức là 47 oát, sải cánh là 220 vôn

**Câu 5.** Nhận định nào sau đây không đúng về công dụng của đèn điện: [c.2.2]

- A. Làm đẹp B. Sưởi ấm C. Chiếu sáng D. Trang trí

**Câu 6.** Để đảm bảo an toàn khi sử dụng đồ dùng điện trong gia đình cần: [c.2.2]

- A. Sử dụng sai chức năng của đồ dùng điện.  
B. Vận hành đồ dùng điện theo đúng quy trình hướng dẫn.  
C. Để đồ dùng ướt gần các nguồn điện.  
D. Các đồ dùng điện để tự do không cần sắp xếp.

**Câu 7.** Khi cần làm phẳng quần áo bị nhăn, chúng ta nên sử dụng đồ dùng điện nào sau đây? [c.2.2]

- A. Nồi cơm điện C. Bàn là (Bàn ủi)  
B. Máy xay thực phẩm D. Lò vi sóng

**Câu 8.** Để làm các loại nước sinh tố từ hoa quả, chúng ta nên chọn đồ dùng điện nào sau đây? [c.2.2]

- A. Nồi cơm điện C. Bếp điện từ  
B. Máy xay thực phẩm D. Lò vi sóng

**Câu 9.** Khi lựa chọn trang phục cho một sự kiện đặc biệt, điều gì là quan trọng nhất? d2.1

- A. Giá cả B. Phù hợp với sự kiện  
C. Thương hiệu D. Xu hướng hiện tại

**Câu 10.** Trang phục nào sau đây không phải là trang phục truyền thống của Việt Nam? a2.1

- A. Áo dài B. Áo bà ba C. Hanbok D. Áo tứ thân

**Câu 11.** Một trong những yếu tố quan trọng trong việc thiết kế trang phục là gì? d2.1

- A. Màu sắc B. Chiều cao C. Cân nặng D. Thời gian

**Câu 12.** Công dụng chính của trang phục là gì? a2.1

- A. Đẹp mắt cho người nhìn B. Bảo vệ cơ thể  
C. Tăng vẻ đẹp D. Tất cả các đáp án trên

**2. Trắc nghiệm dạng Đúng – Sai (4 điểm)** Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu chọn đúng hoặc sai.

**Câu 13.** Đặc điểm của vải sợi thiên nhiên: [a2.1]

| PHÁT BIỂU            | ĐÚNG | SAI |
|----------------------|------|-----|
| a) có độ hút ẩm cao. |      |     |
| b) phơi lâu khô.     |      |     |
| c) mặc thoáng mát.   |      |     |
| d) không nhàu.       |      |     |

**Câu 14. Một số lưu ý khi lựa chọn trang phục theo thời trang:**

| PHÁT BIỂU                                                                                  | ĐÚNG | SAI |
|--------------------------------------------------------------------------------------------|------|-----|
| a) xác định đặc điểm về vóc dáng của người mặc. <b>d2.2</b>                                |      |     |
| b) xác định xu hướng thời trang. <b>d2.2</b>                                               |      |     |
| c) lựa chọn trang phục đắt tiền. <b>d2.2</b>                                               |      |     |
| d) lựa chọn màu sắc vải và kiểu may trang phục phù hợp với vóc dáng người mặc. <b>d2.2</b> |      |     |

**Câu 15:**

| PHÁT BIỂU                                                                                     | ĐÚNG | SAI |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------|------|-----|
| a) trang phục bảo hộ lao động giúp bảo vệ an toàn cho người lao động. <b>a2.2</b>             |      |     |
| b) Chất liệu cotton không thấm hút mồ hôi và nhiệt tốt <b>d2.1</b>                            |      |     |
| c) Trang phục truyền thống của người Việt Nam luôn là áo dài. <b>d2.1</b>                     |      |     |
| d) Màu sắc của trang phục không ảnh hưởng đến tâm trạng và cảm xúc của con người. <b>d2.1</b> |      |     |

**Câu 16: Xác định đúng hoặc sai với những phát biểu bảo quản trang phục dưới đây**

| PHÁT BIỂU                                                                                 | ĐÚNG | SAI |
|-------------------------------------------------------------------------------------------|------|-----|
| a) Cho quần áo màu tối và máu sáng vào giặt chung. [d2.2]                                 |      |     |
| b) Là quần áo được may bằng chất liệu có yêu cầu nhiệt độ thấp trước.                     |      |     |
| c) Cần phơi tất cả các loại quần áo ra ngoài nắng sau khi giặt.                           |      |     |
| d) các loại quần áo ít sử dụng nên gói trong túi nilon để tránh ẩm mốc và gián côn trùng. |      |     |

**II. TỰ LUẬN (3,0 điểm):**

**Câu 17 (1,0 điểm):** Bạn Lan được mời sinh nhật, em hãy tư vấn các bước lựa chọn trang phục theo thời trang phù hợp? [d2.2]

**Câu 18 (1,0 điểm):** Em hãy trình bày cách sắp xếp tủ quần áo của em, các loại trang phục được phân loại như thế nào? [d2.2]

**Câu 19 (1,0 điểm):** Em hãy nêu một bộ trang phục đi chơi phù hợp với vóc dáng của em ? [d2.1]

**HƯỚNG DẪN CHẤM**

**I. TRẮC NGHIỆM: (7,0 điểm)**

**1. Trắc nghiệm nhiều lựa chọn (3,0 điểm):**

| Câu    | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 |
|--------|---|---|---|---|---|---|---|---|---|----|----|----|
| Đáp án | A | B | D | A | A | B | C | B | B | C  | A  | D  |

**2. Trắc nghiệm dạng Đúng – Sai (4,0 điểm)** Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu chọn đúng hoặc sai

**Câu 13. Đặc điểm của vải sợi thiên nhiên:**

| PHÁT BIỂU             | ĐÚNG | SAI |
|-----------------------|------|-----|
| a) có độ hút ẩm thấp. |      | X   |
| b) phơi lâu khô.      | X    |     |
| c) mặc thoáng mát.    | X    |     |

| PHÁT BIỂU      | ĐÚNG | SAI |
|----------------|------|-----|
| d) không nhàu. |      | X   |

**Câu 14. Một số lưu ý khi lựa chọn trang phục theo thời trang:**

| PHÁT BIỂU                                                                                | ĐÚNG | SAI |
|------------------------------------------------------------------------------------------|------|-----|
| a) xác định đặc điểm về vóc dáng của người mặc.                                          | X    |     |
| b) xác định xu hướng thời trang.                                                         | X    |     |
| c) lựa chọn trang phục đắt tiền.                                                         |      | X   |
| d) lựa chọn màu sắc vải và kiểu may trang phục không cần phù hợp với vóc dáng người mặc. |      | X   |

**Câu 15:**

| PHÁT BIỂU                                                                                     | ĐÚNG | SAI |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------|------|-----|
| a) Trang phục bảo hộ lao động giúp bảo vệ an toàn cho người lao động. <b>a2.2</b>             | X    |     |
| b) Chất liệu cotton không thấm hút mồ hôi và nhiệt tốt <b>d2.1</b>                            | X    |     |
| c) Trang phục truyền thống của người Việt Nam luôn là áo dài. <b>d2.1</b>                     |      | X   |
| d) Màu sắc của trang phục không ảnh hưởng đến tâm trạng và cảm xúc của con người. <b>d2.1</b> |      | X   |

**Câu 16: Xác định đúng hoặc sai với những phát biểu bảo quản trang phục dưới đây**

| PHÁT BIỂU                                                                                 | ĐÚNG | SAI |
|-------------------------------------------------------------------------------------------|------|-----|
| a) Cho quần áo màu tối và màu sáng vào giặt chung.                                        |      | X   |
| b) Là quần áo được may bằng chất liệu có yêu cầu nhiệt độ thấp trước.                     | X    |     |
| c) Cần phơi tất cả các loại quần áo ra ngoài nắng sau khi giặt.                           |      | X   |
| d) các loại quần áo ít sử dụng nên gói trong túi nilon để tránh ẩm mốc và gián côn trùng. | X    |     |

## HƯỚNG DẪN CHẤM

### II. TỰ LUẬN (3,0 điểm):

| Câu | Hướng dẫn chấm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Điểm                    |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|
| 1   | <b>Các bước lựa chọn trang phục theo thời trang phù hợp với bạn Lan là:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xác định đặc điểm vóc dáng, phong cách thời trang yêu thích.</li> <li>- Xác định loại trang phục, kiểu may.</li> <li>- Lựa chọn màu sắc, hoa văn, kiểu may và chất liệu vải.</li> <li>- Lựa chọn vật dụng đi kèm.</li> </ul> | Mỗi ý đúng<br>0.25 điểm |
| 2   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quần áo thường sử dụng: treo bằng mắc áo hoặc gấp gọn gàng vào ngăn tủ theo từng loại</li> <li>- Quần áo ít sử dụng: Nên gói trong túi nilon để tránh ẩm mốc và gián, côn trùng làm hư hỏng</li> </ul>                                                                                                   | 0.5điểm<br>0.5điểm      |
| 3   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mô tả được vóc dáng của bản thân</li> <li>- Đưa ra lựa chọn phù hợp</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                           | 0.5điểm<br>0.5điểm      |

## KIỂM TRA GIỮA KÌ II MÔN CÔNG NGHỆ 6

### KẾT NỐI TRI THỨC

#### I. MA TRẬN:

| TT           | Chủ đề/ Chương                           | Nội dung/ Đơn vị kiến thức                               | Mức độ đánh giá                |         |          |                          |                      |          |         |      |                              | Tổng |      |          | Tỉ lệ % điểm |
|--------------|------------------------------------------|----------------------------------------------------------|--------------------------------|---------|----------|--------------------------|----------------------|----------|---------|------|------------------------------|------|------|----------|--------------|
|              |                                          |                                                          | TNKQ                           |         |          |                          |                      |          | Tự luận |      |                              |      |      |          |              |
|              |                                          |                                                          | Nhiều lựa chọn                 |         |          | Đúng - Sai               |                      |          |         |      |                              | Biết | Hiểu | Vận dụng |              |
| Biết         | Hiểu                                     | Vận dụng                                                 | Biết                           | Hiểu    | Vận dụng | Biết                     | Hiểu                 | Vận dụng | Biết    | Hiểu | Vận dụng                     |      |      |          |              |
|              | III. Trang phục và thời trang (6 tiết)   | 3.1 Trang phục trong đời sống (2 tiết)                   | C2<br>C12                      | C1, C10 |          | C15a<br>C15c<br>C16 b, d | C16 a ,c<br>C15 b, d |          |         |      |                              | 6    | 6    |          | 3,0          |
|              |                                          | 3.2 Sử dụng và bảo quản trang phục (3 tiết)              |                                |         |          | C13 b,d                  | C13a, c              |          |         |      | C17, 18 [d2.2]<br>C19 [d2.1] | 2    | 2    | 3        | 4,0          |
|              |                                          | 3.3 Thời trang (1 tiết)                                  | C11                            | C9      |          | C14 a, c                 | C14 b,d              |          |         |      |                              | 3    | 3    |          | 1,5          |
|              | II. Đồ dùng điện trong gia đình (1 tiết) | 4.1. Khái quát về đồ dùng điện trong gia đình . (1 tiết) | C3<br>C4<br>C5<br><br>C7<br>C8 | C6      |          |                          |                      |          |         |      |                              | 5    | 1    |          | 1,5          |
| Tổng số câu  |                                          |                                                          | 8                              | 4       |          | 8                        | 8                    |          |         |      | 3                            | 16   | 12   | 3        | 100%         |
| Tổng số điểm |                                          |                                                          | 3                              |         |          | 4                        |                      |          | 3       |      |                              | 4    | 3    | 3        | 10           |
| Tỉ lệ %      |                                          |                                                          | 30                             |         |          | 40                       |                      |          | 30      |      |                              | 40   | 30   | 30       | 100%         |

#### II. BẢNG ĐẶC TẢ

Quy ước các năng lực đặc thù của môn Công nghệ theo chương trình 2018:

- Nhận thức công nghệ: [a2.1]; [a2.2]; [a2.3] [a2.3]
- Giao tiếp công nghệ: [b2.1]; [b2.2]

- Sử dụng công nghệ : [c2.1]; [c2.2]; [c2.3]; [c2.4] [c2.5]
- Đánh giá công nghệ: [d2.1] ; [d2.2]
- Thiết kế kĩ thuật: [e2.1]; [e2.2];

| TT   | Chủ đề/ Chương                                     | Nội dung/ Đơn vị kiến thức                   | Yêu cầu cần đạt                                                                                                                        | Mức độ đánh giá         |            |      |                                                 |                                     |      |         |          |  |
|------|----------------------------------------------------|----------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|------------|------|-------------------------------------------------|-------------------------------------|------|---------|----------|--|
|      |                                                    |                                              |                                                                                                                                        | TNKQ                    |            |      |                                                 |                                     |      | Tự luận |          |  |
|      |                                                    |                                              |                                                                                                                                        | Nhiều lựa chọn          |            |      | Đúng - Sai                                      |                                     |      |         |          |  |
| Biết | Hiểu                                               | Vận dụng                                     | Biết                                                                                                                                   | Hiểu                    | Vận dụng   | Biết | Hiểu                                            | Vận dụng                            | Biết | Hiểu    | Vận dụng |  |
| 1    | Chủ đề 3:<br>TRANG PHỤC VÀ THỜI TRANG<br>( 6 tiết) | 3.1 Trang phục trong đời sống (2 tiết )      | - Biết: Nhận biết được các loại vải thông dụng thường dùng trong may mặc.                                                              | C2 [a2.2]<br>C12 [a2.1] | C1 [a2.2]  |      | C15a [a2.2]<br>C15 c [d2.1]<br>C16 b, d [d.2.2] | C16 a ,c [d.2.2]<br>C15 b, d [d2.1] |      |         |          |  |
|      |                                                    |                                              | Hiểu: Lựa chọn được trang phục phù hợp với đặc điểm và sở thích của bản thân, tính chất công việc và điều kiện tài chính của gia đình. |                         | C10 [a2.1] |      |                                                 |                                     |      |         |          |  |
|      |                                                    | 3.2 Sử dụng và bảo quản trang phục (3 tiết ) | - Biết : nhận biết được vai trò, sự đa dạng của trang phục trong cuộc sống                                                             |                         |            |      | C13 b,d [a2.1]                                  |                                     |      |         |          |  |
|      |                                                    |                                              | - Hiểu : Lựa chọn trang phục phù hợp với đặc điểm của bản thân và tính chất công việc;                                                 |                         |            |      |                                                 | C13a, c [a2.1]                      |      |         |          |  |

| TT   | Chủ đề/ Chương           | Nội dung/ Đơn vị kiến thức | Yêu cầu cần đạt                                                                                                                             | Mức độ đánh giá |           |      |                 |                |  |         |  |                              |
|------|--------------------------|----------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|-----------|------|-----------------|----------------|--|---------|--|------------------------------|
|      |                          |                            |                                                                                                                                             | TNKQ            |           |      |                 |                |  | Tự luận |  |                              |
|      |                          |                            |                                                                                                                                             | Nhiều lựa chọn  |           |      | Đúng - Sai      |                |  |         |  |                              |
| Biết | Hiểu                     | Vận dụng                   | Biết                                                                                                                                        | Hiểu            | Vận dụng  | Biết | Hiểu            | Vận dụng       |  |         |  |                              |
|      | 1.3 Thời trang (1 tiết ) |                            | -Vận dụng: sử dụng và bảo quản được một số loại hình trang phục thông dụng                                                                  |                 |           |      |                 |                |  |         |  | C17, 18 [d2.2]<br>C19 [d2.1] |
|      |                          |                            | - Biết :Trình bày được những kiến thức cơ bản về thời trang.                                                                                | C11 [d2.1]      |           |      | C14 a, c [d2.2] | C14 b,d [d2.2] |  |         |  |                              |
|      |                          |                            | - Hiểu: Nhận ra và bước đầu hình thành phong cách thời trang của bản thân.                                                                  |                 | C9 [d2.1] |      |                 |                |  |         |  |                              |
|      |                          |                            | - Vận dụng Lựa chọn được trang phục phù hợp với đặc điểm và sở thích của bản thân, tính chất công việc và điều kiện tài chính của gia đình. |                 |           |      |                 |                |  |         |  |                              |

| TT           | Chủ đề/ Chương | Nội dung/ Đơn vị kiến thức                                      | Yêu cầu cần đạt                                                                         | Mức độ đánh giá                                                                  |              |      |            |          |  |         |  |   |
|--------------|----------------|-----------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|--------------|------|------------|----------|--|---------|--|---|
|              |                |                                                                 |                                                                                         | TNKQ                                                                             |              |      |            |          |  | Tự luận |  |   |
|              |                |                                                                 |                                                                                         | Nhiều lựa chọn                                                                   |              |      | Đúng - Sai |          |  |         |  |   |
| Biết         | Hiểu           | Vận dụng                                                        | Biết                                                                                    | Hiểu                                                                             | Vận dụng     | Biết | Hiểu       | Vận dụng |  |         |  |   |
|              |                | <b>4.1. Khái quát về đồ dùng điện trong gia đình. (1 tiết )</b> | <b>Nhận biết:</b><br>- Nêu được tên và công dụng của một số đồ dùng điện trong gia đình | C3<br>[a2.1]<br>C4<br>[a2.2]<br>C5<br>[c2.2]<br><br>C7<br>[c2.2]<br>C8<br>[c2.2] | C6<br>[c2.2] |      |            |          |  |         |  |   |
| Tổng số câu  |                |                                                                 |                                                                                         | 8                                                                                | 4            |      | 8          | 8        |  |         |  | 3 |
| Tổng số điểm |                |                                                                 |                                                                                         | 3                                                                                |              |      | 4          |          |  | 3       |  |   |
| Tỉ lệ %      |                |                                                                 |                                                                                         | 30                                                                               |              |      | 40         |          |  | 30      |  |   |